TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST Ngày 02 tháng 6 năm 2023	
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Thức

2. Ông Bùi Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn K1, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn K1, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Lương Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; đăng kí kết hôn ngày 16/3/2011 tại UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 16/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng bàn nhau đi làm

ăn xa, trong thời gian đi làm ăn xa vợ chồng không được gần gũi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng ngày càng có khoảng cách. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể hòa hợp để chung sống với nhau được nữa. Chị và anh L ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn L.

Về con: Chị và anh Lương Văn L có 01 con chung là cháu Lương Tùng L1, sinh ngày 15/04/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Lương Tùng L1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu L1 1.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có Quyết định cho ly hôn đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 21/3/2023, bị đơn là anh Lương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/3/2011 tại UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 16/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã, chửi bới nhau, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng kể. Mâu thuẫn đã được gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng do tính tình chị Ng ương bướng không chấp nhận. Đến năm 2019, chị Ng chủ động ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Nay anh nhận thấy, việc níu giữ tình cảm với chị Ng là không thể, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Về con: Anh và chị Phạm Thị Ng có 01 con chung là cháu Lương Tùng L1, sinh ngày 15/4/2012. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu L1 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng cho cháu L1 1.000.000 đồng/ tháng kể từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Lương Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Lương Văn L không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh L vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lương Văn L vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị Ng, anh Lương Văn L và Bản sao Trích lục kết hôn số 37/TLKH-BS ngày 27/02/2023 do UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ng và anh Lương Văn L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ng, ý kiến của anh Lương Văn L, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, chị Ng đều có nguyện vọng được ly hôn anh L; anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Ng, anh L phù hợp với kết quả xác minh tại nơ cư trú của các đương sự thì giữa chị Ng và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng phải đi làm ăn xa mỗi người một nơi, không có thời gian gần gủi, chia sẻ làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dẫn đến cãi vã, chửi bới nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, đến nay cả chị Ng và anh L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Ng và anh L không còn, hôn nhân đã lầm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ng, quyết định cho chị Ng và anh L được ly hôn.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Phạm Thị Ng, anh Lương Văn L và bản sao Giấy khai sinh của cháu L1 đủ cơ sở xác định: Cháu Lương Tùng L1, sinh ngày 15/4/2012 là con chung của chị Ng và anh L. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị Ng và ý kiến của anh L, thấy: Chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, anh L cũng đồng ý với ý kiến của chị Ng về việc giao nuôi con; ý kiến của chị Ng, anh L phù hợp với nguyện vọng của cháu L1. Để cuộc sống của cháu L1 không bị xáo trộn và phát triển tốt về mọi mặt, để cháu L1 được chăm sóc, nuôi dưỡng một cách tốt nhất, nên giao cháu L1 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị Ng thấy, chị Ng là người trực tiếp nuôi con, chị Ng yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp

quy định tại Điều 82, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở xem xét. Căn cứ nhu cầu thiết yếu phù hợp với lứa tuổi của cháu L1 so với mức sống trung bình tại địa phương và thu nhập, khả năng thực tế của anh L thì mức cấp dưỡng chị Ng yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; hiện nay anh L là lao động tự do tại địa phương, nên áp dụng phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là phù hợp với quy định tại Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L cũng chấp nhận mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Ng. Do đó, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L1 1.000.000đ *(Một triệu đồng)/* tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản: Chị Phạm Thị Ng và anh Lương Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Ng là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Lương Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Lương Văn L.

Về con: Giao cháu Lương Tùng L1, sinh ngày 15/4/2012 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng; anh L cấp dưỡng cho cháu L1 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/ tháng, kể từ tháng 6/2023 đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số AA/2021/0015766 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Phạm Thị Ng; vắng mặt bị đơn Lương Văn L. Chị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**